

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HS-ST
Ngày 29-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Tô Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/HSST-QĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Mã Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 02/11/1980 tại C, Lạng Sơn; Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mã Văn T1 và bà Hứa Thị C; vợ: Vi Thị T2 và có 02 con; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án số 16/2022/HSST ngày 08/4/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 13 tháng tù về tội Đánh bạc, đến nay chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/3/2011, bị cáo bị Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, phạt 1.500.000 đồng, đã thi hành xong; ngày 09/02/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc (theo Bản án số 11/2015/HSST ngày 09/02/2015) đã được xóa án tích; ngày 31/3/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc (theo Bản án số 24/2016/HSST ngày 31/3/2016) đã được xóa án tích; ngày 09/5/2018, bị cáo bị Phòng C2 Công an tỉnh L xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt tiền về hành vi mua dâm, tiền phạt là 750.000 đồng, đã thi hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2023, tạm giam từ ngày 08/9/2023 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lăng Văn A, sinh năm 1987; vắng mặt.
2. Anh Phan Mạnh D, sinh năm 1995; vắng mặt.
3. Anh Nông Minh Đ, sinh năm 1984; vắng mặt.
4. Chị Trần Thu T3, sinh năm 1994; vắng mặt.
5. Chị Lục Thu T4, sinh năm 1993; vắng mặt.
6. Anh Hoàng Văn T5, sinh năm 1978; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 20 phút ngày 02/9/2023, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh L đang làm nhiệm vụ tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện nhóm khách trong phòng 201, tầng 2, quán K có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Mã Văn T, Nguyễn Thị L, Lăng Văn A, Phan Mạnh D, Nông Minh Đ, Trần Thu T3, Lục Thu T4. Tổ công tác đã lập biên bản và thu giữ một số tang vật gồm: 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (nghỉ là ma túy) phát hiện trên ghế Mã Văn T ngồi; 01 đĩa sứ màu trắng, trên bề mặt có tinh thể màu trắng nghỉ là ma túy; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L; 01 ống hút được cuộn tròn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. Tiến hành xét nghiệm thông qua thử nước tiểu đối với 07 đối tượng trên, kết quả 07/07 đối tượng đều dương tính với chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã trưng cầu giám định đối với số tang vật và tiền đã thu giữ được. Tại Bản kết luận giám định số: 905/KL-KTHS ngày 06/9/2023 của Phòng C2 Công an tỉnh L, kết luận: “Các chất tinh thể màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Ketamine, có tổng khối lượng 0,983 gam (đã trừ bì)”.

Tại Bản kết luận giám định số: 616/KL-KTHS ngày 29/5/2024 của Phòng C2 Công an tỉnh L, kết luận: “Tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng gửi giám định là tiền thật”.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 21 giờ, ngày 01/9/2024, nhóm đối tượng gồm: Mã Văn T, Nguyễn Thị L, Nông Minh Đ, Lăng Văn A, Lục Thu T4, Trần Thu T3 và Trần Huyền T6 đến quán K1 tại Khu đô thị P, phường H, thành phố L hát và uống rượu. Quá trình hát, Mã Văn T có ý định mua ma túy để mời mọi người trong nhóm sử dụng, sau đó Mã Văn T ra khỏi phòng hát gọi điện cho bạn là Hoàng Văn T5, địa chỉ: Số C, tổ D, khối A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhờ mua hộ 02 chỉ ma túy "Ke" và 04 viên ma túy "Keo", Hoàng Văn T5 đồng ý. Trong khi cả nhóm hát đến 22 giờ thì Trần Huyền T6 rủ cả nhóm di chuyển đến quán K tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để hát vì quán đó chuẩn bị khai trương và được giảm giá. Khi Trần Huyền T6 nói vậy thì cả

nhóm đồng ý và cùng thuê xe Taxi đi, khi xe đến khu vực cây xăng T gần nhà Hoàng Văn T5 thì Mã Văn T bảo lái xe dừng lại chờ sau đó một mình Mã Văn T xuống xe đi bộ đến gần nhà Hoàng Văn T5 nhận 01 gói ma túy rồi đút vào túi quần, quay ra lên xe cùng mọi người đi đến thị trấn Đ.

Khi cả nhóm đến phòng 201, quán K thì Trần Huyền T6 gọi 01 bình bóng cười để mọi người cùng sử dụng, còn Mã Văn T bảo nhân viên lấy 01 đĩa sứ vào phòng, khi nhân viên mang đĩa vào thì Mã Văn T lấy 04 viên ma túy Keo ra bẻ đôi và đưa cho mọi người cùng sử dụng, trong khi Mã Văn T đưa ma túy thì nhận được điện thoại của Phan Mạnh D báo ra cửa đón, Mã Văn T đặt phần ma túy còn lại trên bàn rồi đi ra đón Phan Mạnh D vào phòng. Khi Mã Văn T, Phan Mạnh D quay vào phòng thấy trên bàn còn ma túy kẹo trên bàn, Mã Văn T cầm nửa viên ma túy đưa cho Phan Mạnh D sử dụng và lấy số ma túy kẹo còn lại thả vào cốc nước Cocacola trên bàn để mọi người sử dụng. Một lúc sau, Mã Văn T hỏi mượn Căn cước công dân của Nguyễn Thị L rồi lấy ma túy “Ke” trong túi quần đổ ra đĩa sứ và dùng thẻ căn cước nghiền mịn, chia thành từng đường nhỏ rồi Mã Văn T cầm đĩa mời mỗi người sử dụng 01 lần bằng hình thức hít thông qua ống hút cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng rồi đặt xuống bàn gần mình, sau đó cả nhóm cùng nghe nhạc và nhảy múa trong phòng. Đến 00 giờ 20 phút, ngày 02/9/2023, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh L đến kiểm tra phòng hát 201 thấy trong phòng có 07 người gồm: Mã Văn T, Nguyễn Thị L, Nông Minh Đ, Lăng Văn A, Phan Mạnh D, Lục Thu T4 và Trần Thu T3 (không có mặt Trần Huyền T6). Sau đó tổ công tác đã lập biên bản và thu giữ tang vật.

* Các nội dung khác trong vụ án:

- Đối với Hoàng Văn T5, quá trình điều tra Hoàng Văn T5 khai đêm 01/9/2023 Mã Văn T có gọi điện rủ đi chơi nhưng Hoàng Văn T5 không đi và không được gặp Mã Văn T. Cơ quan điều tra đã cho Mã Văn T và Hoàng Văn T5 đối chất nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của mình, do vậy không đủ căn cứ xử lý đối với Hoàng Văn T5 trong vụ án này.

- Đối với Trần Huyền T6, bị cáo Mã Văn T khai trong lúc cả nhóm hát tại quán K1, Trần Huyền T6 có bảo Mã Văn T ra ngoài liên hệ mua ma túy, sau đó Mã Văn T gọi điện cho Hoàng Văn T5 để mua. Quá trình bắt quả tang tại quán K không có mặt Trần Huyền T6, xác minh tại địa phương không có mặt Trần Huyền T6, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Trần Huyền T6 nhưng đến nay chưa tìm được. Do chỉ có lời khai của bị cáo Mã Văn T, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với Trần Huyền T6 trong vụ án này.

- Đối với Nguyễn Thị L là người đã cho bị cáo Mã Văn T mượn thẻ Căn cước công dân nhưng không biết Mã Văn T dùng để làm gì, sau khi đưa thẻ Căn cước cho Mã Văn T, Nguyễn Thị L đi ra ngoài vệ sinh, khi quay vào phòng không thấy Mã Văn T dùng thẻ căn cước để “xào ke”. Do vậy, không đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị L đồng phạm với Mã Văn T trong vụ án này.

- Đối với 06 người tham gia hát tại quán K gồm: Nguyễn Thị L, Nông Minh Đ, Lăng Văn A, Lục Thị T7, Trần Thu T3 và Phan Mạnh D. Quá trình điều tra xác định không có hành vi giúp sức cho Mã Văn T trong việc tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy, tuy nhiên cả 06/06 người đều có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/01/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với 06 đối tượng trên, mức tiền phạt 1.500.000 đồng/người.

- Đối với Lý Ngọc T8 là chủ quán K. Quá trình điều tra xác định Lý Ngọc T8 không biết nhóm của Mã Văn T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán của mình. Tuy nhiên, việc để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý là vi phạm quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Mặt khác hoạt động kinh doanh khí cười mà không có giấy phép là vi phạm quy định tại Khoản 6, Điều 17, Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp. Do vậy, ngày 29/01/2024, Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Lý Ngọc T8, tiền phạt đối với hai hành vi trên là 37.500.000 đồng; phạt bổ sung tước Giấy chứng nhận số 05/GCN ngày 18/8/2023 do Công an huyện C cấp cho cơ sở kinh doanh Karaoke Gold trong thời gian 09 tháng (từ 29/01/2024 đến 29/10/2024) đồng thời tịch thu tang vật liên quan.

Bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSLS-P2 ngày 19/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Mã Văn T về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Mã Văn T phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Mã Văn T từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì mặt trước ghi dòng chữ "Tang vật thu giữ tại phòng 201, quán K ngày 02/9/2023" có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C1, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng C2 Công an tỉnh L tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 (một) túi nilon (cũ) đựng tổng cộng 0,860 gam chất ma túy Ketamine; 01 đĩa sứ màu trắng là chất cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000 đồng (mười nghìn đồng), do có liên quan đến hành vi phạm tội;

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu S màu đen trắng, Imei 1: 353408114468471/01 bên trong lắp 02 sim Viettel 4G, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Mã Văn T, do có liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị L 01 (một) Căn cước công dân số 026180002991 mang tên Nguyễn Thị L, cấp ngày 20/12/2017 là giấy tờ tùy thân của chị Nguyễn Thị L.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị L, những người làm chứng Lăng Văn A, Phan Mạnh D, Nông Minh Đ, Trần Thu T3, Lục Thu T4, Hoàng Văn T5 đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vì trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Mã Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Hồi 00 giờ 20 phút ngày 02/9/2023, tại phòng 201, tầng 2 quán K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Phòng cảnh sát tội phạm về ma túy Công an tỉnh L bắt quả tang bị cáo Mã Văn T có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người thì bị phát hiện, lập biên bản. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mã Văn T phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, biết

hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là trái phép bị pháp luật ngăn cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, vì vậy đối với hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Để có căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, qua đó ấn định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mã Văn T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mã Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bố bị cáo là ông Mã Văn T1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Mã Văn T đã bị xử lý hình sự, đã bị xử phạt hành chính, xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”. Do đó, bị cáo Mã Văn T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị cáo không đứng tên sở hữu đất đai, tài sản gì. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) phong bì mặt trước ghi dòng chữ "Tang vật thu giữ tại phòng 201, quán K ngày 02/9/2023" có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C1, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng C2 Công an tỉnh L tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 (một) túi nilon (cũ) đựng tổng cộng 0,860 gam chất ma túy Ketamine; 01 đĩa sứ màu trắng, là chất cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với số tiền 10.000 đồng (mười nghìn đồng) tiền N dùng làm ống hút để sử dụng ma túy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với 01 (một) điện thoại di động S màu đen trắng, Imei 1: 353408114468471/01 bên trong lắp 02 sim Viettel 4G, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Mã Văn T bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy. Cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[14] Đối với 01 (một) Căn cước công dân số 026180002991 mang tên Nguyễn Thị L, cấp ngày 20/12/2017 là giấy tờ tùy thân của Nguyễn Thị L, khi

Nguyễn Thị L cho bị cáo Mã Văn T mượn, Nguyễn Thị L không biết bị cáo Mã Văn T dùng vào việc "xào ke", nên trả lại cho Nguyễn Thị L.

[15] Đối với Hoàng Văn T5, quá trình điều tra Hoàng Văn T5 khai đêm 01/9/2023 Mã Văn T có gọi điện rủ đi chơi nhưng Hoàng Văn T5 không đi và không được gặp Mã Văn T. Cơ quan điều tra đã cho Mã Văn T và Hoàng Văn T5 đối chất nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của mình, do vậy không đủ căn cứ xử lý đối với Hoàng Văn T5 trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với Trần Huyền T6, bị cáo Mã Văn T khai trong lúc cả nhóm hát tại quán K1, Trần Huyền T6 có bảo Mã Văn T ra ngoài liên hệ mua ma túy, sau đó Mã Văn T gọi điện cho Hoàng Văn T5 để mua. Quá trình bắt quả tang tại quán K không có mặt Trần Huyền T6, xác minh tại địa phương không có mặt Trần Huyền T6, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Trần Huyền T6 nhưng đến nay chưa tìm được. Do chỉ có lời khai của bị cáo Mã Văn T nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với Trần Huyền T6 trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với Nguyễn Thị L là người đã cho bị cáo Mã Văn T mượn thẻ Căn cước công dân nhưng không biết Mã Văn T dùng để làm gì, sau khi đưa thẻ Căn cước cho Mã Văn T, Nguyễn Thị L đi ra ngoài vệ sinh, khi quay vào phòng không thấy Mã Văn T dùng thẻ căn cước để "xào ke". Do vậy, không đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị L đồng phạm với Mã Văn T trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với 06 người tham gia hát tại quán K gồm: Nguyễn Thị L, Nông Minh Đ, Lãng Văn A, Lục Thị T7, Trần Thu T3 và Phan Mạnh D. Quá trình điều tra xác định không có hành vi giúp sức cho Mã Văn T trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên cả 06/06 người đều có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/01/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với 06 đối tượng trên, mức tiền phạt 1.500.000 đồng/ người, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với Lý Ngọc T8 là chủ quán K. Quá trình điều tra xác định Lý Ngọc T8 không biết nhóm của Mã Văn T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán của mình. Tuy nhiên, việc để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý là vi phạm quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Mặt khác hoạt động kinh doanh khí cười mà không có giấy phép là vi phạm quy định tại Khoản 6, Điều 17, Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp. Do vậy, ngày 29/01/2024, Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Lý Ngọc T8, tiền phạt đối với hai hành vi trên là 37.500.000 đồng; phạt bổ sung tước Giấy chứng nhận số 05/GCN ngày 18/8/2023 do Công an huyện C cấp cho cơ sở kinh doanh Karaoke

Gold trong thời gian 09 tháng (từ 29/01/2024 đến 29/10/2024) đồng thời tịch thu tang vật liên quan, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các nội dung khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[21] Về án phí: Bị cáo Mã Văn T bị kết án, do đó phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mã Văn T phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mã Văn T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 02/9/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì mặt trước ghi dòng chữ "Tang vật thu giữ tại phòng 201, quán K ngày 02/9/2023" có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C1, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng C2 Công an tỉnh L tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 (một) túi nilon (cũ) đựng tổng cộng 0,860 gam chất ma túy Ketamine; 01 đĩa sứ màu trắng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động S màu đen trắng, Imei 1: 353408114468471/01 bên trong lắp 02 sim Viettel 4G, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Mã Văn T.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị L 01 (một) Căn cước công dân số 026180002991 mang tên Nguyễn Thị L, cấp ngày 20/12/2017.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Bị cáo Mã Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Đội TH Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL,NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Hà